

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

● NGUYỄN HOÀNG LONG¹ - LÊ NHƯ HOA^{1,*}

¹Khoa Kế toán Kiểm toán - Trường Đại học Văn Lang,
Số 69/68 Đặng Thùy Trâm, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: hoa.ln@vlu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.62831/202504038>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của các doanh nghiệp ở Việt Nam, trong đó chỉ ra 9 yếu tố bao gồm:... Bài viết sẽ là những góp ý giúp cơ quan thuế hoàn thiện được bộ máy và thay đổi chính sách cũng như các thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp trong tuân thủ pháp luật khi nộp thuế, từ đó củng cố được nguồn thu ngân sách của Nhà nước, giúp tăng trưởng nền kinh tế lớn mạnh hơn.

Từ khóa: hành vi tuân thủ thuế, thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam hiện nay thực trạng trốn thuế, gian lận thuế hoặc không tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thuế vẫn còn tồn đọng ở một số doanh nghiệp. Những yếu tố như chính sách thuế, mức độ phức tạp của luật thuế, nhận thức về thuế và văn hóa doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế. Chính vì vậy, việc tuân thủ thuế TNDN chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố có thể được phân loại thành các yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Hiểu được những yếu tố này là rất quan trọng đối với cả người nộp thuế (NNT) doanh nghiệp và cơ quan thuế (CQT) để tăng cường tỷ lệ tuân thủ và cải thiện quản lý thuế. Do đó tác giả chọn đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp ở Việt Nam” để nghiên cứu, với

hy vọng bài nghiên cứu này có thể giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các biện pháp hiệu quả để nâng cao ý thức tuân thủ thuế, góp phần ổn định ngân sách nhà nước.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

Theo James và Alley (2002), việc NNT không tuân thủ các nghĩa vụ về thuế và hành động đó được thực hiện theo một hướng vô ý hay tự ý thì đều sẽ là không tuân thủ thuế. Singh (2003) cũng cho rằng khi các DN vi phạm về Luật của thuế, ví dụ như doanh thu hoặc các chi phí không được trừ bị khai báo không chính xác đều là những hành vi không tuân thủ thuế. Ngoài ra, theo Alabede, J. O. và cộng sự (2011), mặc dù việc không tuân thủ thuế có thể có vô vàn hình thái không giống nhau, nhưng suy cho cùng hậu quả của việc không tuân thủ thuế

là dẫn đến những vi phạm pháp luật của thuế, gian lận thuế là một trong những vi phạm đó.

Theo một hướng tiếp cận khác đó là dựa vào các yếu tố liên quan tới con người sẽ tác động đến thái độ tuân thủ thuế ra sao (Devos, 2014). Nghiên cứu của Schmolders (1959) về “trốn thuế” đã tìm thấy định nghĩa “tư duy thuế”. Nếu NNT có thái độ nhiệt tình khi nhắc đến thuế cũng như cách làm việc với cơ quan thuế thì họ sẽ sẵn sàng để tuân thủ thuế. Kinsey (1986) trình bày định nghĩa về “sẵn sàng hợp tác”, điều này có kết nối đến sự tuân thủ, ý nói NNT luôn luôn hỗ trợ cơ quan thuế hết mình thì họ sẽ có xu hướng chấp hành hơn là những người không chịu hợp tác.

Nghiên cứu của Jackson & Milliron (1986) cho biết nguyên nhân của không tuân thủ thuế là do hệ thống thuế quá phức tạp. Từ đó, một giả thuyết được đặt ra là: Có phải hệ thống thuế doanh nghiệp đang khiến cho các doanh nghiệp vi phạm luật thuế? Ở khía cạnh thu nhập, Allingham & Sandmo (1972) cho thấy việc tuân thủ thuế sẽ thay đổi theo từng mức thu nhập và giảm dần theo mức độ rủi ro. Tuy nhiên, có một vài nghiên cứu khác cho thấy NNT sở hữu nguồn thu nhập cao thì mức tuân thủ thuế lại thấp theo Slemrod (1985); lại có một nghiên cứu khác cho rằng NNT có nguồn thu nhập không nhỏ thì lại càng tuân thủ thuế hơn theo Fishlow & Friedman (1994). Vì vậy, để làm rõ hơn, giả thuyết được nêu ra ở đây là: Nếu tình hình tài chính của một doanh nghiệp không được khả quan sẽ dẫn tới doanh nghiệp không tuân thủ thuế? Bên cạnh đó, có một yếu tố cũng tác động mạnh mẽ đến hành vi tuân thủ thuế là thanh tra thuế (Alm & cộng sự, 1992). Việc CQT thanh tra càng nhiều và đầy đủ sẽ khiến các doanh nghiệp cẩn thận trong việc báo cáo thuế theo đúng. Nhưng theo một nghiên cứu khác của Torgler (2003) lại chỉ ra rằng sự ép buộc không phải là hành động đúng để khiến các doanh nghiệp tuân thủ thuế, mà nó còn có thể khiến điều ngược lại xảy ra. Vì vậy, giả thuyết đặt ra là: Việc thanh tra nhiều và đầy đủ, có thật sự sẽ khiến các doanh nghiệp chủ động trong việc tuân thủ thuế hay không?

Nghiên cứu gần đây của Anggun, Kurnia, Saraswati., Zulaikha, Zulaikha. (2012) cho rằng, những yếu tố tác động đến việc tuân thủ thuế TNDN gồm có thái độ đối với việc tuân thủ, ý định chuyên môn về thuế, điều kiện tài chính của công ty, cơ sở vật chất của công ty và môi trường tổ chức, tất cả đều có mức độ ảnh hưởng khá lớn và đáng kể. Olha, Kuvaldina. (2022) cho rằng, những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế TNDN gồm có tiến bộ công nghệ, hoạt động kinh doanh quốc tế và hiệu quả của việc thực thi pháp luật thuế. Ngoài ra, việc đánh giá khoảng cách thuế và cải thiện chính sách và quản lý thuế đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao mức độ tuân thủ. Một nghiên cứu khác trong năm 2024 của Rowell cho thấy, ba yếu tố chính ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp: các yếu tố toàn công ty, yếu tố pháp lý/kinh tế và các yếu tố khai thuế. Giải quyết các yếu tố này là điều cần thiết để khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện giữa những người đóng thuế doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Thành phố Santiago.

2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Theo nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012) trên 170 doanh nghiệp đang hoạt động trên Thành phố Hồ Chí Minh thì việc tuân thủ thuế có thể hiểu đơn giản là việc thực thi nghĩa vụ thuế theo đúng như Luật Thuế ban hành một cách tự nguyện, khai báo, nộp thuế đúng hạn và đầy đủ. Bài nghiên cứu cũng chỉ ra những yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế bao gồm: tổng tài sản, tổng nợ, tổng nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận trước thuế... Trong đó, giới tính, ngành nghề, tổng thuế và lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp là ảnh hưởng lớn nhất.

Nghiên cứu của tác giả Bùi Ngọc Toán (2017) với mục đích kiểm định sự ảnh hưởng của các yếu tố như là đặc điểm của CQT, chính sách và luật thuế, đặc điểm trong hoạt động, tâm lý và ngành của doanh nghiệp, ngoài ra còn có kinh tế, xã hội đến hành vi tuân thủ thuế TNDN của các doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế TNDN, đặc

điểm của CQT là tác động nhất đến việc tuân thủ thuế TNDN của các doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.

Nguyễn Bá Hoàng (2017), Phạm Minh Tiến đề cập đến việc những yếu tố sẽ chi phối đến việc tuân thủ thuế đã được nhiều tác giả khác nghiên cứu, nhưng vẫn còn khá ít đối với các doanh nghiệp như là cấu trúc của hệ thống thuế, đặc điểm của DN, chất lượng quản trị công và chuẩn mực xã hội. Ngoài ra, việc có thể tiếp xúc được với các doanh nghiệp hay những người am hiểu về thuế của doanh nghiệp vẫn còn rất khó.

Nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề “Tuân thủ thuế là một việc chấp hành nghĩa vụ pháp luật của cả CQT và NNT theo đúng quy định. Đây là một vấn đề phức tạp, bao gồm các hoạt động như đăng ký, kê khai, báo cáo, nộp thuế của NNT trong sự hỗ trợ, giám sát của CQT. Hiện nay, tính tuân thủ của NNT chưa cao. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng tới vấn đề này. Đó là, nhân tố về tình hình kinh tế xã hội, nhân tố về chính sách thuế, nhân tố thuộc về công tác quản lý của CQT, nhân tố xuất phát từ bản thân NNT... Bài viết giới thiệu công trình nghiên cứu, khảo sát về ảnh hưởng của chính sách thuế tới tuân thủ thuế của NNT, từ đó đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện chính sách thuế, góp phần nâng cao tuân thủ thuế của NNT”.

2.3. Nhận xét về các nghiên cứu trong nước và thế giới trước đây và xác định khoảng trống trong nghiên cứu

Thông qua tổng quan các nghiên cứu trong nước và ngoài nước về việc tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, tác giả có thể thấy đa số các yếu tố chi phối đến việc tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trong các bài nghiên cứu trên bao gồm: Quy mô của doanh nghiệp, Hoạt động quản lý thuế, Công tác thanh tra, Khả năng kiểm soát rủi ro (hay có thể nói là kinh nghiệm của người quản lý hoặc chủ doanh nghiệp)... Và tác giả nhận thấy một vài khoảng trống nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, với sự phát triển của công nghệ như hiện nay, tác giả đề xuất thêm yếu tố trí tuệ nhân tạo (AI).

Thứ hai, sự phức tạp của CQT cũng là một lý do để tác giả đề xuất thêm yếu tố nội bộ CQT vào bài nghiên cứu.

Thứ ba, để kiểm soát triệt để tất cả các thuế của một doanh nghiệp, tác giả đề xuất thêm yếu tố sự hợp tác giữa các ban ngành liên quan.

Thứ tư, việc tăng trưởng của một DN sau này có tốt hay không thì cũng phải dựa vào yếu tố chiến lược của chủ doanh nghiệp ra sao.

Thứ năm, lịch sử tuân thủ thuế của một doanh nghiệp cũng ảnh hưởng ít nhiều đến các hệ lụy sau này, nên tác giả đã đề xuất thêm yếu tố cuối cùng là tiền lệ về kết quả kiểm tra của doanh nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính.

Việc nghiên cứu định tính được thực hiện bằng cách nghiên cứu các bài viết của các chuyên gia trong lĩnh vực thuế nhằm xây dựng một bộ khung vững chắc cho toàn bộ nội dung của bài nghiên cứu. Và phương pháp nghiên cứu được tiến hành như sau:

Dựa vào tổng thể các bài nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đã đề xuất hai yếu tố lớn có thể ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế TNDN của các doanh nghiệp là về phía CQT và từ nội bộ của doanh nghiệp.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ở Việt Nam

4.1. Cơ quan thuế

4.1.1. Hoạt động quản lý thuế

Như trước đây mỗi lần kiểm tra thuế TNDN của doanh nghiệp, cán bộ thuế đều phải kiểm tra từng tờ khai giấy bản cứng theo cách truyền thống. Nhưng với công nghệ phát triển như hiện nay, 100% thì người nộp thuế đều phải áp dụng nộp và ký tờ khai điện tử. Những điều này đã giúp cho cơ quan thuế có thể dễ dàng rà soát toàn bộ hệ thống mã số thuế cá nhân. Điều này ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế TNDN là vì mỗi doanh nghiệp đều có chi phí lương, hoặc các chi phí khác có liên quan đến người lao động.

4.1.2. Trí tuệ nhân tạo (AI)

Việc áp dụng AI này của cơ quan thuế sẽ giúp đưa ra những cảnh báo đối với các trường hợp vượt mức rủi ro, ngoài ra nó còn có thể đánh giá rủi ro tự động theo các tiêu chí (Căn cứ vào Điều 10, 11, 12, Thông tư số 31/2021/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành có hiệu lực từ ngày 02/07/2021), ngành nghề đã được thiết kế.

4.1.3. Công tác thanh tra

Trước đây, có một số doanh nghiệp (không nằm trong danh sách thanh tra) khi muốn CQT thanh tra, họ bắt buộc phải lập công văn để được kiểm tra. Điều này giúp các doanh nghiệp chủ động hơn với công tác quản lý được rủi ro, khắc phục được trong tương lai. Nhưng hiện tại việc này không còn được cho phép nữa, vì việc này khiến cho thời gian của cán bộ thuế không thể hoàn toàn tập trung cho những doanh nghiệp đang nằm trong danh sách rủi ro, bởi CQT không đủ nguồn lực để vừa chấp nhận kiểm tra theo yêu cầu, vừa kiểm tra các doanh nghiệp rủi ro.

Cuối mỗi năm, dựa vào các tiêu chí được nêu trong Thông tư số 31/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, CQT sẽ lên một danh sách các doanh nghiệp rủi ro, hoặc ngành rủi ro của năm đó (ví dụ như ngành xăng dầu gần đây) thì những doanh nghiệp thuộc ngành này sẽ bị thanh tra theo chuyên đề.

4.1.4. Nội bộ cơ quan thuế

Trong thời gian gần đây, cán bộ thuế gặp phải rủi ro hình sự khá nhiều, dẫn đến nhiều xáo trộn trong nội bộ CQT, kế hoạch luân chuyển nhân sự liên tục, cùng áp lực trách nhiệm và tâm lý thận trọng của cán bộ thuế khi thanh tra. Bởi vì theo như thông thường, một đến hai năm cán bộ thuế sẽ luân chuyển một lần, cho nên việc này cũng dẫn đến rủi ro cho các doanh nghiệp. Ví dụ như các vấn đề khi phát sinh nhưng lại không được nêu rõ trong các Nghị định, Thông tư,... thì một số hướng xử lý của cán bộ thuế sẽ mang tính chủ quan hơn theo quan điểm riêng của họ, trong trường hợp cán bộ thuế 1 không truy thu mức thuế đó sẽ khiến cho doanh nghiệp chủ quan hơn, nhưng khi luân chuyển sang cán bộ thuế 2 thì quan điểm của họ

lại khác, vô tình đẩy doanh nghiệp vào thế bị động, khó giải trình với cơ quan thuế.

4.1.5. Sự phối hợp giữa các ban ngành liên quan

Việc tăng cường phối hợp với các bộ, ngành liên quan để trao đổi, kết nối thông tin, phối hợp quản lý và hoàn thiện việc sửa đổi chính sách, pháp luật liên quan (Công Thương, Công an, Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng Nhà nước...) với nhau giúp cho các ban ngành nắm được rủi ro của các DN. Ví dụ như hiện nay, DN chỉ cần nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN lên trang thuế, trong danh sách nhân viên là 15 người, nhưng đóng bảo hiểm chỉ có 10 người thì bên Bảo hiểm xã hội sẽ gửi công văn yêu cầu doanh nghiệp giải trình ngay lập tức.

4.1.6. Tiền lệ kết quả kiểm tra của doanh nghiệp với cơ quan thuế, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan liên quan

Nếu DN có tiền lệ tốt, không vi phạm hoặc chỉ có vài sai sót nhỏ không đáng kể sẽ tạo được sự uy tín với CQT. Nhưng nếu trong quá khứ doanh nghiệp từng bị xử phạt nghiêm trọng, cán bộ thuế sẽ thanh tra chặt chẽ hơn.

4.2. Nội bộ doanh nghiệp

4.2.1. Khả năng kiểm soát rủi ro về hệ thống

Yếu tố này rất quan trọng, vì nếu như một người quản lý có kỹ năng tốt, chuyên sâu sẽ phát hiện được các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến thuế trong BCTC... từ đó có thể đưa ra các biện pháp giảm, tránh để đảm bảo Luật Thuế. Trái lại, nếu người quản lý thiếu khả năng kiểm soát để nhận diện được các rủi ro sẽ khiến doanh nghiệp rơi vào tình trạng vi phạm luật thuế.

4.2.2. Chiến lược của chủ doanh nghiệp

Tùy từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp các chiến lược kinh doanh sẽ khác nhau, ví dụ như khi tập trung mở rộng thị trường, họ sẽ tập trung hoàn toàn cho nhân viên kinh doanh, bán hàng. Cho nên trong giai đoạn này đôi lúc doanh nghiệp biết họ có vi phạm nhưng vẫn chấp nhận để đẩy doanh thu tăng lên. Ví dụ có một số ngành nghề không được quảng cáo hoặc tiếp thị mặt hàng đó, nhưng vì đẩy mạnh doanh số doanh

ng nghiệp phải áp dụng các hình thức về bản chất là quảng cáo tiếp thị để tránh CQT.

4.2.3. Quy mô doanh nghiệp

Quy mô doanh nghiệp ảnh hưởng ít nhiều đến mức độ tuân thủ thuế của một doanh nghiệp, vì thường các doanh nghiệp lớn thường có bộ phận kế toán có kinh nghiệm và hệ thống kiểm soát chặt chẽ, nhằm giúp họ dễ dàng tuân theo các quy định về thuế, cũng như hợp tác với CQT. Tuy nhiên, những DN có quy mô lớn cũng phải đòi hỏi tính phức tạp cao trong quy trình quản lý. Cho nên đối với các doanh nghiệp, việc quản lý sẽ đơn giản hơn, nhưng họ lại thiếu đi nguồn lực và chuyên môn, dễ dẫn đến nguy cơ sai phạm về luật.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Hành vi tuân thủ thuế TNDN của các DN tại Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tác động bên trong nội bộ của DN: Nếu chủ doanh nghiệp hay người quản lý có kỹ năng tốt, hiểu biết chuyên sâu, đầy đủ về Luật Thuế cũng như bộ tiêu chí đánh giá rủi ro thuế sẽ phát hiện được các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến thuế, kèm theo đó là ý thức trách nhiệm cao trong việc nộp thuế thì việc tuân thủ thuế sẽ cao hơn. Ngược lại, thiếu hiểu biết về chính sách thuế có thể khiến DN vi phạm hoặc né tránh thuế. Ngoài các yếu tố nội tại, sự tuân thủ thuế của DN cũng bị chi phối bởi các chính sách và phương pháp quản lý, thanh tra của CQT. Nếu CQT có cơ chế hỗ trợ tốt, cung cấp thông tin rõ ràng, hướng dẫn chi tiết và có chính sách hợp lý thì doanh nghiệp sẽ dễ dàng tuân thủ hơn. Ngược lại, nếu quy định thuế quá cứng nhắc, phức tạp, thiếu hướng dẫn rõ ràng hoặc có các rào cản về hành chính, có thể khiến doanh nghiệp vô tình hoặc cố ý vi phạm nghĩa vụ tuân thủ thuế. Vì vậy, nhằm tăng cường hành vi tuân thủ thuế của mỗi DN thì cần phải có sự phối hợp giữa cả doanh nghiệp và các cơ quan chức năng liên quan trong việc cải thiện nhận thức, hỗ trợ thông tin và xây dựng các chính sách quản lý có tính linh hoạt nhưng vẫn nghiêm minh. Điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước và tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng hơn.

5.2. Kiến nghị

Theo kết quả của bài nghiên cứu trên, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị vì mục đích tăng cao hành động tuân thủ thuế của NNT, chi tiết như sau:

5.2.1. Về việc quản lý thuế của cơ quan thuế

Sự quan tâm hàng đầu của CQT hiện nay là làm sao để tăng cao sự tự giác của NNT về việc tuân thủ thuế, vì vậy CQT cần phải chú ý nhiều hơn nữa trong hoạt động hỗ trợ, truyền thông cũng như trao đổi với các doanh nghiệp, giúp họ nâng cao tính tự nguyện trong việc tuân thủ thuế. Ngoài ra, CQT cần phải xây dựng cơ sở dữ liệu về thuế một cách đầy đủ, minh bạch để giúp ích cho hoạt động quản lý thuế.

Công tác giám sát cần phải được diễn ra định kỳ hoặc thường trực đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có độ rủi ro cao.

Cần thay đổi hình thức kiểm tra, chuyển từ hình thức tại doanh nghiệp sang giám sát tại CQT nhằm tiết kiệm được những chi phí không cần thiết và cũng bớt đi rắc rối cho các doanh nghiệp.

Nâng cao trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm cho các công chức thuế như kỹ năng ứng xử, giao tiếp với NNT.

5.2.2. Về công tác thanh tra thuế

Để có thể chỉnh đốn nhằm giới hạn tình trạng không tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, CQT cần phải lập tức cải thiện số lượng cũng như chất lượng của nguồn nhân lực cho công tác thanh tra.

Các cán bộ thuế cần phải thường xuyên triển khai các buổi trao đổi nhằm rút kinh nghiệm và phải giải quyết thật nghiêm khắc các doanh nghiệp nào không chấp hành thuế.

5.2.3. Về cơ cấu tổ chức nội bộ của cơ quan thuế

Tạo dựng một bộ máy CQT tiên tiến hơn, tinh gọn hơn, nhưng vẫn phải hoạt động có hiệu quả, lấy NNT làm gốc để phục vụ. Chú trọng việc cải thiện nguồn nhân lực sao cho luôn luôn giữ sự chuyên nghiệp, chính trực và có khả năng giải quyết được yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền công nghiệp 4.0 ngày nay. Tạo dựng hệ thống các quy trình quản lý thuế đồng nhất với các cơ sở thuế và quan trọng hơn hết là phân chia

nhiệm vụ rõ ràng giữa các bộ phận liên quan, để tránh trường hợp các quy trình chồng chất lẫn nhau, nhằm hoạt động được suôn sẻ, tránh tắc nghẽn dẫn đến chậm trễ thời gian giải quyết cho NNT.

Một cơ sở vật chất với đầy đủ trang thiết bị và kỹ thuật tân tiến sẽ là căn cứ tiên quyết để phục vụ cho hoạt động tuân thủ thuế của NNT và hoạt động quản lý của CQT được tốt hơn.

5.2.4. *Đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp làm việc liên quan đến thuế*

Các doanh nghiệp phải luôn tạo điều kiện cho những nhân viên có kiến thức và kỹ năng liên quan đến thuế có thể cập nhật kịp thời những thay đổi về chính sách thuế và kế toán của Bộ Tài chính.

5.3. *Hạn chế của bài nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo*

Ngoài những kết quả đã đạt được, bài nghiên cứu trên vẫn còn một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, vì còn giới hạn về kinh nghiệm, nhân lực và thời gian nên đây chưa phải là tất cả yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế TNDN của các doanh nghiệp ở Việt Nam, nếu có đủ thời gian cũng như nguồn lực thì các yếu tố sẽ được liệt kê nhiều hơn.

Thứ hai, việc giải thích những kết quả nghiên cứu còn lệ thuộc quá nhiều từ ý kiến cá nhân của tác giả.

Do đó, những hạn chế nêu trên cũng là hướng nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bùi Ngọc Toàn (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp - Nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học - Đại học Huế, tập 126, số 5A, 77-78.
2. Nguyễn Bá Hoàng (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế của người nộp thuế thu nhập cá nhân: nghiên cứu trường hợp Chi cục thuế Quận 11, TP. HCM. Tạp chí Khoa học của Trường Đại học Văn Hiến, số 5.
3. Nguyễn Hoàng và Đào Thị Phương Liên (2013). Ảnh hưởng của Chính sách thuế đến tuân thủ thuế: Kết quả Khảo sát và một số kiến nghị. Tạp chí Kinh tế - Phát triển, số 190 (II).
4. Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tư nhân - Xét khía cạnh nộp thuế đúng hạn. Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, Số 80.
5. Phạm Minh Tiến, Phan Thị Thắng, Phạm Thị Hồng Hà (2016). Hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp: Nhìn từ phía các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, số 11(2).
6. Alabede J. O., Ariffin Z. B. Z., & Idris K. M. (2011). Determinants of Tax Compliance Behaviour: A Proposed Model for Nigeria. International Research Journal of Finance and Economics.
7. Allingham M. G., & Sandmo A. (1972). Income Tax Evasion: A Theoretical Analysis. Journal of Public Economics.
8. Alm J., Jackson B. & McKee M. (1992). Institutional uncertainty and taxpayer compliance. American Economic Review.
9. Anggun Kurnia Saraswati, Zulaikha Zulaikha (2012). Analisis faktor-faktor yang mempengaruhi Kepatuhan Wajib Pajak Badan (Studi Empiris pada Perusahaan Industri yang Terdaftar di Kantor Pelayanan Pajak Pratama Surakarta).
10. Devos K. (2014). Factors Influencing Individual Taxpayer Compliance Behaviour. Dordrecht. Netherlands: Springer Science-Business Media.
11. Fishlow A., & Friedman J. (1994). Tax evasion, inflation and stabilization. Journal of Development Economics.
12. Jackson B. R. & Milliron V. C. (1986). Tax compliance research: Findings, problems, and prospects. Journal of Accounting Literature, 5, 12565.

13. James S., & Alley C. (2002). Tax Compliance, Self-Assessment and Tax Administration. *Journal of Finance and Management in Public Services*.
14. Kinsey K. A. (1986). Theories and Models of Tax Cheating. *Criminal Justice Abstracts*, 18, 403-425.
15. Olha Kuvaldina (2022). Corporate income tax gap: factors and assessment. *Economic scope*, doi: 10.32782/2224-6282/181-10.
16. Rowell S., Cardenas. Demy, M. Nadera-Codnita (2024). Factors Influencing Tax Compliance: Evidence from Small and Medium Corporate Taxpayers. *International Journal of Social Science And Education Research Studies*, doi: 10.55677/ijssers/v04i7y2024-14.
17. Schmolders G. (1959). Fiscal Psychology: A New Branch of Public Finance. *National Tax Journal*.
18. Singh V. (2003). Tax Compliance and Ethical Decision-Making: A Malaysian Perspective. Kuala Lumpur, Malaysia: Pearson Malaysia Sdn. Bhd.
19. Slemrod Joel (1985). An Empirical Test for Tax Evasion, *The Review of Economics and Statistics*. USA: MIT Press.
20. Torgler Benno (2003). Tax morale and institutions. CREMA Working Paper Series, 2003-09, Center for Research in Economics, Management and the Arts.

Ngày nhận bài: 2/12/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/12/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/1/2025

THE FACTORS INFLUENCING CORPORATE INCOME TAX COMPLIANCE BEHAVIOR AMONG ENTERPRISES IN VIETNAM

● **NGUYEN HOANG LONG¹**

● **LE NHU HOA¹**

¹Faculty of Accounting - Auditing,
Van Lang University

ABSTRACT:

This study examines the factors influencing corporate income tax compliance behavior among enterprises in Vietnam, identifying nine key determinants. By analyzing these factors, the research provides insights that can assist tax authorities in enhancing their administrative framework, refining policies, and streamlining procedures. The findings aim to create more favorable conditions for businesses to fulfill their tax obligations, thereby improving tax compliance, increasing state budget revenue, and fostering sustainable economic growth.

Keywords: tax compliance behavior, corporate income, corporate income tax, business.